TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2024.
"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.

2. Bà Dương Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 19xx. Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Thành N, sinh năm 19xx. Vắng mặt

Cùng đia chỉ: Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà B có ý kiến như sau: Bà và ông Lê Thành N sống chung năm 19xx có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 05/9/20xx. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm nên

vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Thành N.

Nuôi con chung: Bà và ông N có con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 19/01/19xx; Lê Thành T, sinh ngày 06/9/20xx và Lê Huỳnh Bảo K, sinh ngày 28/8/20xx. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con chung tên Lê Huỳnh Bảo K, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Lê Thành P và Lê Thành T trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Lê Thành N vắng mặt nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 03/4/2024 có ý kiến như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của bà B về thời gian chung sống, quá trình kết hôn, con chung. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh gần đây, không nghiêm trọng nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Thành N; hiện ông N đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Huỳnh Thị B và ông Lê Thành N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/20xx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông N là hợp pháp.

[4] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, ông N có ý kiến xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng và không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp,

tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N nhưng ông N không đến tòa. Điều này chứng minh ông N không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà B có cơ sở chấp nhận.

[5] Nuôi con chung: Bà B và ông N có con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 19/01/19xx; Lê Thành T, sinh ngày 06/9/20xx; Lê Huỳnh Bảo K, sinh ngày 28/8/20xx.

[5.1] Đối với con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 19/01/19xx và Lê Thành T, sinh ngày 06/9/20xx đã trưởng thành, khỏe mạnh và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5.2] Đối với con chung tên Lê Huỳnh Bảo K, sinh ngày 28/8/20xx. Bà B yêu cầu trực tiếp nuôi cháu K. Tại bản tự khai ngày 04/4/2024 cháu K có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu K theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử quyết định giao Lê Huỳnh Bảo K cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Do bà B không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Chia tài sản chung: Bà B xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Nghĩa vụ trả nợ: Bà B xác định không có.

[9] Án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với ông Lê Thành N.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị B và ông Lê Thành N.

1.2 Nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Huỳnh Bảo K, sinh ngày 28/8/20xx cho bà Huỳnh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số số 0009413 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà B nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
-Các đương sự.
-UBND xã T
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa